**Question 1**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phát biểu nào sau đây đúng khi vẽ luồng thông tin giữa một tiến trình thực hiện phép toán ghi và kho:

Select one:

a. Chỉ có một luồng thông tin từ tiến trình về kho

b. Không có luồng thông tin nào

c. Chỉ có một luồng thông tin từ kho về tiến trình

d. Có cả 2 luồng thông tin ngược chiều nhau

**Question 2**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

b. Tất cả đều sai

c. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

d. Mô tả lại thế giới thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

**Question 3**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phát biểu nào sau đây sai khi vẽ luồng thông tin:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Mỗi luồng thông tin chỉ có một chiều (một mũi tên)

c. Luồng thông tin cho nối giữa tác nhân và tiến trình, giữa tiến trình và kho

d. Luồng thông tin cho phép từ một tiến trình vào chính nó

**Question 4**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phép toán Multiple-Row có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Multiple-Row SubQuery

b. Single-Row SubQuery

c. Multiple-Column SubQuery

d. Cả phương án A và B

**Question 5**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu đối với kiểm thử phần mềm:

Select one:

a. Tính hệ thống

b. Cả 3 phương án trên

c. Được lập tài liệu

d. Tính lặp lại

**Question 6**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

b. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

c. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

d. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

**Question 7**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Kiểm thử” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

b. Tăng độ tin cậy của phần mềm

c. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

d. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

**Question 8**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Xác định yêu cầu chức năng nghiệp vụ là:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cả 2 phương án A và B

c. Xác định bộ phận (người dùng) sẽ sử dụng phần mềm

d. Xác định các công việc mà người dùng sẽ thực hiện trên phần mềm

**Question 9**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thiết kế dữ liệu với yêu cầu hệ thống cần thoả mãn:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Đảm bảo việc phân quyền, khai báo hệ thống

c. Đảm bảo việc sao lưu dữ liệu

d. Vẫn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng nhưng thoả mãn thêm yêu cầu về hệ thống (phân quyền, cấu hình, môi trường…)

**Question 10**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính hiệu quả trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Cho phép người dùng khai báo các thay đổi về quy định với phần mềm

b. Tất cả đều sai

c. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

d. Tốc độ xử lý nhanh, đạt hiệu quả kinh tế, sử dụng tối ưu tài nguyên hệ thống

**Question 11**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Khó thực hiện

b. Không hiệu quả

c. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

d. Cả hai phương án trên

**Question 12**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các phép toán trong ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL) gồm có:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. INSERT, UPDATE, DELETE, SELECT

c. COMMIT, ROLLBACK

d. CREATE.., ALTER.., DROP…

**Question 13**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần xử lý của phần mềm gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

c. Hệ thống các hàm đọc/ghi cùng với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

d. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

**Question 14**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nội dung của màn hình giao diện gồm các thành phần:

Select one:

a. Thành phần dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Thành phần xử lý

d. Thành phần dữ liệu và Thành phần xử lý

**Question 15**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Phần mềm không hỏng đi

b. Phần mềm được phát triển hay được kỹ nghệ hoá, nó không được chế tạo theo nghĩa cổ điển

c. Phần lớn phần mềm được xây dựng theo đơn đặt hàng, ít khi được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

d. Cả 3 phương án trên

**Question 16**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Trong cùng một bảng có thể:

Select one:

a. Truy vấn kết nối từ bảng tới chính nó

b. Tất cả đều sai

c. Cả 2 phương án A và B

d. Tạo mối quan hệ giữa một cột đến một cột khác

**Question 17**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu phi chức năng liên quan đến người dùng bao gồm:

Select one:

a. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

b. Tất cả đều sai

c. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính bảo trì

d. Tính tiến hoá; Tính tái sử dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

**Question 18**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tìm hiểu hiện trạng tổ chức bao gồm:

Select one:

a. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

b. Thông tin đầu vào

c. D. Thông tin kết xuất

d. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

**Question 19**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Hình thức trình bày của thiết kế màn hình chính gồm:

Select one:

a. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ

b. Phím nóng Thực đơn; Biểu tượng

c. Tất cả đều sai

d. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ; Tích hợp

**Question 20**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi tạo bảng, đặt ràng buộc khoá quan hệ (foreign key) ở:

Select one:

a. Bảng con

b. Cả hai

c. Tất cả đều sai

d. Bảng cha

**Question 21**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính tương thích trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Cho phép trao đổi dữ liệu với các phần mềm khác

b. Giao diện đẹp, trực quan, dễ thao tác

c. Tốc độ xử lý nhanh, đạt hiệu quả kinh tế

d. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

**Question 22**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn nhập liệu:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cho phép người tìm kiếm, tra cứu thông tin

c. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

d. Cho phép người dùng thực hiện các công việc có liên quan đến ghi chép trong thế giới thực

**Question 23**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Phần mềm với độ tin cậy cao

b. Chương trình nguồn của phần mềm với cấu trúc cơ sở dữ liệu tương ứng

c. Danh ách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

d. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

**Question 24**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhóm phép toán Multiple-Row là:

Select one:

a. EXISTS, NOT EXISTS

b. IN, NOT IN, All, ANY

c. Tất cả đều sai

d. =, <>, <, <=, >, >=

**Question 25**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần giao diện của phần mềm gồm:

Select one:

a. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

b. Tất cả đều sai

c. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

d. Hệ thống các hàm đọc/ghi với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

**Question 26**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi phân tích yêu cầu về bảo mật cần quan tâm đến yếu tố:

Select one:

a. Cả 3 phương án trên

b. Ảnh hưởng của bảo mật

c. Môi trường bảo mật

d. Mức độ bảo mật

**Question 27**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình phần mềm

b. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

c. Mô hình thế giới thực

d. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

**Question 28**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Công việc của phương pháp hộp trắng cần:

Select one:

a. Kiểm tra dữ liệu cục bộ

b. Tất cả đều sai

c. Kiểm tra giao tiếp của đơn vị, dữ liệu cục bộ, các điều kiện biên và đảm bảo mọi con đường thực hiện phải đi qua ít nhất một lần

d. Kiểm tra các điều kiện biên

**Question 29**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mô hình xoắn ốc thích hợp với:

Select one:

a. Những hệ thống lớn và phức tạp

b. Những hệ thống đã hiểu rõ về yêu cầu nghiệp vụ ngay từ ban đầu

c. Tất cả đều sai

d. Những hệ thống không xác định rõ yêu cầu nghiệp vụ

**Question 30**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

b. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

c. Mô hình thế giới thực

d. Mô hình phần mềm

**Question 31**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ưu điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Kỹ sư phần mềm không bị định kiến

b. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

c. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

d. Tất cả đều sai

**Question 32**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm hệ thống là

Select one:

a. Phục vụ cho các chương trình khác

b. Phục vụ việc quản lý thời gian thực

c. Phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ

d. Tất cả đều sai

**Question 33**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tìm hiểu tổng quan về thế giới thực bao gồm:

Select one:

a. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

b. Tất cả đều sai

c. Cả hai phương án trên

d. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

**Question 34**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Truy vấn con dạng Multiple-Column SubQuery trả kết quả về:

Select one:

a. Một cột, nhiều dòng

b. Nhiều dòng

c. Nhiều cột

d. Một cột, một dòng

**Question 35**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thêm một một bản ghi mới vào bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Ràng buộc khoá chính trong bảng

b. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng

c. Tất cả đều đúng

d. Ràng buộc NOT NULL trong bảng

**Question 36**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Quyền trên hệ thống bao gồm:

Select one:

a. Quyền kết nối cơ sở dữ liệu

b. Cả phương án A và B

c. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu (DDL)

d. Các câu lệnh thao tác dữ liệu (DML)

**Question 37**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Quyền trên đối tượng bao gồm:

Select one:

a. Quyền kết nối cơ sở dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Các câu lệnh thao tác dữ liệu (DML)

d. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu (DDL)

**Question 38**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Loại thông tin nào dưới đây khi xác định yêu cầu phần mềm:

Select one:

a. Phạm vi của hệ thống

b. Cách thức tiến hành và các quy định liên quan

c. Tất cả đều sai

d. Cơ sở hạ tầng

**Question 39**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Họp nhóm” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

b. Không hiệu quả

c. Khó thực hiện

d. Mất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc để chuẩn bị

**Question 40**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi vẽ đường quan hệ giữa 2 bảng ĐỘC\_GIẢ và PHIẾU\_MƯỢN trong sơ đồ logic, đường mũi tên chỉ về đâu? Biết rằng mỗi độc giả có thể mượn nhiều sách, mỗi phiếu mượn xác định duy nhất một dộc giả.

Select one:

a. Chỉ về bảng ĐỘC\_GIẢ

b. Tất cả đều sai

c. Chỉ về cả 2 bảng

d. Chỉ về bảng PHIẾU\_MƯỢN

## Question 1

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Phát biểu nào sau đây đúng khi vẽ luồng thông tin giữa một tiến trình thực hiện phép toán ghi và kho:

Select one:

a. Chỉ có một luồng thông tin từ tiến trình về kho

b. Không có luồng thông tin nào

c. Chỉ có một luồng thông tin từ kho về tiến trình

d. Có cả 2 luồng thông tin ngược chiều nhau

## Question 2

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

b. Tất cả đều sai

c. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

d. Mô tả lại thế giới thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

## Question 3

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Phát biểu nào sau đây sai khi vẽ luồng thông tin:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Mỗi luồng thông tin chỉ có một chiều (một mũi tên)

c. Luồng thông tin cho nối giữa tác nhân và tiến trình, giữa tiến trình và kho

d. Luồng thông tin cho phép từ một tiến trình vào chính nó

## Question 4

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Phép toán Multiple-Row có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Multiple-Row SubQuery

b. Single-Row SubQuery

c. Multiple-Column SubQuery

d. Cả phương án A và B

## Question 5

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Yêu cầu đối với kiểm thử phần mềm:

Select one:

a. Tính hệ thống

b. Cả 3 phương án trên

c. Được lập tài liệu

d. Tính lặp lại

## Question 6

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

b. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

c. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

d. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

## Question 7

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Kiểm thử” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

b. Tăng độ tin cậy của phần mềm

c. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

d. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

## Question 8

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Xác định yêu cầu chức năng nghiệp vụ là:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cả 2 phương án A và B

c. Xác định bộ phận (người dùng) sẽ sử dụng phần mềm

d. Xác định các công việc mà người dùng sẽ thực hiện trên phần mềm

## Question 9

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Khi thiết kế dữ liệu với yêu cầu hệ thống cần thoả mãn:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Đảm bảo việc phân quyền, khai báo hệ thống

c. Đảm bảo việc sao lưu dữ liệu

d. Vẫn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng nhưng thoả mãn thêm yêu cầu về hệ thống (phân quyền, cấu hình, môi trường…)

## Question 10

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Tính hiệu quả trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Cho phép người dùng khai báo các thay đổi về quy định với phần mềm

b. Tất cả đều sai

c. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

d. Tốc độ xử lý nhanh, đạt hiệu quả kinh tế, sử dụng tối ưu tài nguyên hệ thống

## Question 11

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Nhược điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Khó thực hiện

b. Không hiệu quả

c. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

d. Cả hai phương án trên

## Question 12

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Các phép toán trong ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL) gồm có:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. INSERT, UPDATE, DELETE, SELECT

c. COMMIT, ROLLBACK

d. CREATE.., ALTER.., DROP…

## Question 13

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Thành phần xử lý của phần mềm gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

c. Hệ thống các hàm đọc/ghi cùng với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

d. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

## Question 14

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Nội dung của màn hình giao diện gồm các thành phần:

Select one:

a. Thành phần dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Thành phần xử lý

d. Thành phần dữ liệu và Thành phần xử lý

## Question 15

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Phần mềm không hỏng đi

b. Phần mềm được phát triển hay được kỹ nghệ hoá, nó không được chế tạo theo nghĩa cổ điển

c. Phần lớn phần mềm được xây dựng theo đơn đặt hàng, ít khi được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

d. Cả 3 phương án trên

## Question 16

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Trong cùng một bảng có thể:

Select one:

a. Truy vấn kết nối từ bảng tới chính nó

b. Tất cả đều sai

c. Cả 2 phương án A và B

d. Tạo mối quan hệ giữa một cột đến một cột khác

## Question 17

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Yêu cầu phi chức năng liên quan đến người dùng bao gồm:

Select one:

a. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

b. Tất cả đều sai

c. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính bảo trì

d. Tính tiến hoá; Tính tái sử dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

## Question 18

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Tìm hiểu hiện trạng tổ chức bao gồm:

Select one:

a. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

b. Thông tin đầu vào

c. D. Thông tin kết xuất

d. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

## Question 19

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Hình thức trình bày của thiết kế màn hình chính gồm:

Select one:

a. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ

b. Phím nóng Thực đơn; Biểu tượng

c. Tất cả đều sai

d. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ; Tích hợp

## Question 20

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Khi tạo bảng, đặt ràng buộc khoá quan hệ (foreign key) ở:

Select one:

a. Bảng con

b. Cả hai

c. Tất cả đều sai

d. Bảng cha

## Question 21

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Tính tương thích trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Cho phép trao đổi dữ liệu với các phần mềm khác

b. Giao diện đẹp, trực quan, dễ thao tác

c. Tốc độ xử lý nhanh, đạt hiệu quả kinh tế

d. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

## Question 22

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn nhập liệu:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cho phép người tìm kiếm, tra cứu thông tin

c. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

d. Cho phép người dùng thực hiện các công việc có liên quan đến ghi chép trong thế giới thực

## Question 23

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Phần mềm với độ tin cậy cao

b. Chương trình nguồn của phần mềm với cấu trúc cơ sở dữ liệu tương ứng

c. Danh ách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

d. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

## Question 24

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Nhóm phép toán Multiple-Row là:

Select one:

a. EXISTS, NOT EXISTS

b. IN, NOT IN, All, ANY

c. Tất cả đều sai

d. =, <>, <, <=, >, >=

## Question 25

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Thành phần giao diện của phần mềm gồm:

Select one:

a. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

b. Tất cả đều sai

c. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

d. Hệ thống các hàm đọc/ghi với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

## Question 26

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Khi phân tích yêu cầu về bảo mật cần quan tâm đến yếu tố:

Select one:

a. Cả 3 phương án trên

b. Ảnh hưởng của bảo mật

c. Môi trường bảo mật

d. Mức độ bảo mật

## Question 27

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình phần mềm

b. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

c. Mô hình thế giới thực

d. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

## Question 28

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Công việc của phương pháp hộp trắng cần:

Select one:

a. Kiểm tra dữ liệu cục bộ

b. Tất cả đều sai

c. Kiểm tra giao tiếp của đơn vị, dữ liệu cục bộ, các điều kiện biên và đảm bảo mọi con đường thực hiện phải đi qua ít nhất một lần

d. Kiểm tra các điều kiện biên

## Question 29

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Mô hình xoắn ốc thích hợp với:

Select one:

a. Những hệ thống lớn và phức tạp

b. Những hệ thống đã hiểu rõ về yêu cầu nghiệp vụ ngay từ ban đầu

c. Tất cả đều sai

d. Những hệ thống không xác định rõ yêu cầu nghiệp vụ

## Question 30

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

b. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

c. Mô hình thế giới thực

d. Mô hình phần mềm

## Question 31

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Ưu điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Kỹ sư phần mềm không bị định kiến

b. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

c. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

d. Tất cả đều sai

## Question 32

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm hệ thống là

Select one:

a. Phục vụ cho các chương trình khác

b. Phục vụ việc quản lý thời gian thực

c. Phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ

d. Tất cả đều sai

## Question 33

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Tìm hiểu tổng quan về thế giới thực bao gồm:

Select one:

a. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

b. Tất cả đều sai

c. Cả hai phương án trên

d. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

## Question 34

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Truy vấn con dạng Multiple-Column SubQuery trả kết quả về:

Select one:

a. Một cột, nhiều dòng

b. Nhiều dòng

c. Nhiều cột

d. Một cột, một dòng

## Question 35

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Khi thêm một một bản ghi mới vào bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Ràng buộc khoá chính trong bảng

b. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng

c. Tất cả đều đúng

d. Ràng buộc NOT NULL trong bảng

## Question 36

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Quyền trên hệ thống bao gồm:

Select one:

a. Quyền kết nối cơ sở dữ liệu

b. Cả phương án A và B

c. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu (DDL)

d. Các câu lệnh thao tác dữ liệu (DML)

## Question 37

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Quyền trên đối tượng bao gồm:

Select one:

a. Quyền kết nối cơ sở dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Các câu lệnh thao tác dữ liệu (DML)

d. Các câu lệnh định nghĩa dữ liệu (DDL)

## Question 38

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Loại thông tin nào dưới đây khi xác định yêu cầu phần mềm:

Select one:

a. Phạm vi của hệ thống

b. Cách thức tiến hành và các quy định liên quan

c. Tất cả đều sai

d. Cơ sở hạ tầng

## Question 39

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Nhược điểm của hình thức “Họp nhóm” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

b. Không hiệu quả

c. Khó thực hiện

d. Mất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc để chuẩn bị

## Question 40

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

### Question text

Khi vẽ đường quan hệ giữa 2 bảng ĐỘC\_GIẢ và PHIẾU\_MƯỢN trong sơ đồ logic, đường mũi tên chỉ về đâu? Biết rằng mỗi độc giả có thể mượn nhiều sách, mỗi phiếu mượn xác định duy nhất một dộc giả.

Select one:

a. Chỉ về bảng ĐỘC\_GIẢ

b. Tất cả đều sai

c. Chỉ về cả 2 bảng

d. Chỉ về bảng PHIẾU\_MƯỢN